

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 2600114002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2007 và giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 8 tháng 1 năm 2013.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Thìn
Ông Nguyễn Xuân Hải
Ông Đinh Quang Hải
Ông Nguyễn Hồng Tiến

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân
Bà Nguyễn Thanh Thủy
Ông Dương Thế Quang

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tiến
Ông Bùi Như Thường

Giám đốc
Phó giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồng Tiến

Giám đốc

Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính tại khu 6, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 26. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Phú Thọ, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 9 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 9 tháng 4 năm 2015. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đề cập ở Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) là 10.830.495.067 Đồng Việt Nam phải nộp bổ sung cho năm 2013 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Thông báo 64/KT IV-TH ngày 05 tháng 02 năm 2015. Nếu Công ty ghi nhận các khoản thuế TTĐB này thì số dư thuế TTĐB phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng thêm 10.830.495.067 Đồng Việt Nam, chi phí thuế TTĐB cho năm 2013 sẽ tăng thêm 10.830.495.067 Đồng Việt Nam và lợi nhuận thuần của năm 2013 sẽ điều chỉnh giảm tương ứng.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Ngoài ra, số thuế TTĐB cho năm 2014 cũng sẽ tăng thêm nếu tính theo phương pháp của Kiểm toán Nhà nước. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, Ban Giám đốc chưa tính toán chính xác số thuế TTĐB tăng thêm cho năm 2014. Theo ước tính của chúng tôi, số thuế TTĐB tăng thêm cho năm 2014 vào khoảng 8.748.404.673 Đồng Việt Nam. Số thuế TTĐB này, nếu được Công ty ghi nhận, cũng sẽ làm tăng khoản thuế TTĐB phải trả và tăng chi phí thuế TTĐB của năm 2014, đồng thời lợi nhuận thuần cho năm 2014 sẽ điều chỉnh giảm tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài chính Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần phải lập là 2.763.013.000 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.041.612.000 đồng Việt Nam).

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Họ tên: Quách Thành Châu
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 0875-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN1303
Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2015



Họ tên: Trần Khắc Thế
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 2043-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		126.785.174.012	107.544.390.128
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.734.864.865	36.253.799.396
111	Tiền		4.665.238.320	6.253.799.396
112	Các khoản tương đương tiền		20.069.626.545	30.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		50.640.881.133	15.154.217.461
131	Phải thu khách hàng	4	43.674.559.383	14.751.483.443
132	Trả trước cho người bán		6.965.592.418	605.500.000
135	Các khoản phải thu khác	5	1.780.937.081	1.577.441.767
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.780.207.749)	(1.780.207.749)
140	Hàng tồn kho		50.276.499.794	53.422.182.017
141	Hàng tồn kho	6	50.276.499.794	53.422.182.017
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.132.928.220	2.714.191.254
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		549.869.934	2.482.209.713
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		369.891.708	-
158	Tài sản ngắn hạn khác		213.166.578	231.981.541
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		56.824.005.879	55.120.156.501
220	Tài sản cố định		36.835.415.518	42.016.729.626
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	36.741.444.609	42.016.729.626
222	Nguyên giá		193.001.562.244	191.376.623.530
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(156.260.117.635)	(149.359.893.904)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(b)	93.970.909	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.530.500.000	8.530.500.000
258	Đầu tư dài hạn khác	8	8.530.500.000	8.530.500.000
260	Tài sản dài hạn khác		11.458.090.361	4.572.926.875
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	11.026.318.571	4.145.658.472
268	Tài sản dài hạn khác		431.771.790	427.268.403
270	TỔNG TÀI SẢN		183.609.179.891	162.664.546.629

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		96.399.317.496	81.942.101.203
310	Nợ ngắn hạn		96.399.317.496	81.942.101.203
312	Phải trả người bán	10	28.916.396.979	9.035.228.803
313	Người mua trả tiền trước		240.576.322	498.811.087
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	43.434.336.325	47.846.546.253
315	Phải trả người lao động		2.269.859.855	1.759.816.923
316	Chi phí phải trả	12	2.810.718.837	4.513.110.648
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	18.720.146.751	17.241.636.083
323	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		7.282.427	1.046.951.406
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		87.209.862.395	80.722.445.426
410	Vốn chủ sở hữu		87.209.862.395	80.722.445.426
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14,15	30.000.000.000	30.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	15	13.828.422.759	12.797.111.101
418	Quỹ dự phòng tài chính	15	3.000.000.000	3.000.000.000
420	Lợi nhuận chưa phân phối	15	40.381.439.636	34.925.334.325
440	TỔNG NGUỒN VỐN		183.609.179.891	162.664.546.629



Hoàng Thị Bình
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2015

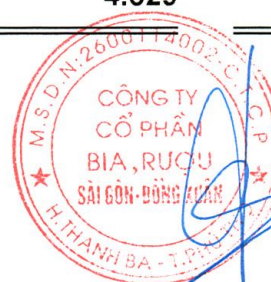
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.651.178.317	377.253.514.013
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(115.676.007.742)	(133.037.900.041)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17 212.975.170.575	244.215.613.972
11	Giá vốn hàng bán	18 (177.114.069.047)	(204.849.442.468)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.861.101.528	39.366.171.504
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19 2.924.121.687	5.373.562.335
22	Chi phí tài chính	20 (476.706.716)	(299.773.825)
24	Chi phí bán hàng	21 (11.086.238.810)	(8.487.387.895)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22 (10.464.423.771)	(9.561.386.087)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.757.853.918	26.391.186.032
31	Thu nhập khác	23 915.491.905	1.632.279.052
32	Chi chi khác	23 (632.029.636)	(770.229.099)
40	Lợi nhuận khác	283.462.269	862.049.953
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.041.316.187	27.253.235.985
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	24 (3.455.587.561)	(6.502.021.975)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.585.728.626	20.751.214.010
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16 4.529	6.917



Hoàng Thị Bình
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	17.041.316.187	27.253.235.985
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	6.900.223.731	6.874.504.428
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.924.121.687)	(5.848.040.617)
06	Chi phí lãi vay	386.543.306	299.773.825
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	21.403.961.537	28.579.473.621
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(29.740.386.151)	4.690.938.840
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	3.145.682.223	(10.991.575.430)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	5.823.784.233	(11.444.664.552)
12	Tăng các chi phí trả trước	(4.948.320.320)	(3.648.107.034)
13	Tiền lãi vay đã trả	(274.973.477)	(199.615.620)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.821.127.031)	(7.679.925.715)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.375.020.890	939.732.000
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.009.971.999)	(2.785.325.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.046.330.095)	(2.539.069.784)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.718.909.623)	(2.833.839.255)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	492.727.273
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.924.121.687	5.373.562.335
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.205.212.064	3.032.450.353
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	(4.677.816.500)	(4.135.143.421)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(4,677,816,500)	(4.135.143.421)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(11.518.934.531)	(3.641.762.852)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	36.253.799.396	39.895.562.248
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	24.734.864.865	36.253.799.396



Hoàng Thị Bình
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600114002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 3 năm 2007 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 8 tháng 1 năm 2013.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất cồn thực phẩm, rượu các loại, bia và nước giải khát có ga;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu, phụ tùng hàng hóa, sản phẩm phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Thi công xây lắp, cải tạo, sửa chữa công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cồn, rượu, bia, nước giải khát;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Nhà máy bia Sài Gòn – Mê Linh
- Nhà máy cồn, rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

Công ty có trụ sở chính tại khu 6, Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 248 nhân viên (2013: 252 nhân viên)

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài chính Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần phải lập là 2.763.013.000 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.041.612.000 đồng Việt Nam).

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.8 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

- (i) Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Công ty không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20%
Máy móc, thiết bị	15 - 20%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.12 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.13 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay

2.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền mặt	194.288.432	381.804.092
Tiền gửi ngân hàng	4.470.949.888	5.871.995.304
Các khoản tương đương tiền (*)	20.069.626.545	30.000.000.000
	<u>24.734.864.865</u>	<u>36.253.799.396</u>

(*) Số dư của các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn dưới 3 tháng.

4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu từ bên thứ ba	6.791.646.609	1.256.621.163
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	36.882.912.774	13.494.862.280
	<u>43.674.559.383</u>	<u>14.751.483.443</u>

5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu UBND Tỉnh Phú Thọ về chi phí san lấp mặt bằng	493.769.000	493.769.000
Phải thu phát sinh từ trước khi Cổ phần hoá	729.251.676	729.251.676
Phải thu khác	557.916.405	354.421.091
	<u>1.780.937.081</u>	<u>1.577.441.767</u>

6 HÀNG TỒN KHO

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	4.386.887.369	3.899.181.610
Công cụ, dụng cụ	15.776.655.979	14.590.863.427
Chi phí SXKD dở dang	10.531.385.380	9.673.358.666
Thành phẩm	19.527.497.728	25.048.536.765
Hàng gửi đi bán	54.073.338	210.241.549
	<u>50.276.499.794</u>	<u>53.422.182.017</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**
7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	30.733.602.133	153.516.722.684	6.874.857.509	251.441.204	191.376.623.530
Mua trong năm	-	1.624.938.714	-	-	1.624.938.714
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	30.733.602.133	155.141.661.398	6.874.857.509	251.441.204	193.001.562.244
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	17.992.347.000	127.603.370.632	3.526.979.287	237.196.985	149.359.893.904
Khấu hao trong năm	1.326.328.981	4.985.140.605	579.097.884	9.656.261	6.900.223.731
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	19.318.675.981	132.588.511.237	4.106.077.171	246.853.246	156.260.117.635
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	12.741.255.133	25.913.352.052	3.347.878.222	14.244.219	42.016.729.626
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	11.414.926.152	22.553.150.161	2.768.780.338	4.587.958	36.741.444.609

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 101.274.981.030 đồng Việt Nam (2013: 101.274.981.030 đồng Việt Nam).

(b) Xây dựng cơ bản dở dang

Số dư của xây dựng cơ bản dở dang cuối năm liên quan đến dự án nâng cấp hệ thống điện điều khiển tại nhà máy bia Mê Linh, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	2014		2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Đầu tư vào Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ	853.050	8.530.500.000	853.050	8.530.500.000

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bổ	5.879.281.354	2.362.038.247
Công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế	1.186.443.051	1.501.862.091
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.960.594.166	281.758.134
	<u>11.026.318.571</u>	<u>4.145.658.472</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	4.145.658.472	2.720.321.843
Mua trong năm	7.235.282.646	4.322.931.079
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	2.712.694.426	-
Chuyển từ TSCĐ theo TT45/2013/TT-BTC	-	227.317.206
Phân bổ trong năm	(3.067.316.973)	(3.124.911.656)
Số dư cuối năm	<u>11.026.318.571</u>	<u>4.145.658.472</u>

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải trả từ bên thứ ba	10.048.431.602	2.299.393.426
Phải trả từ bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	18.867.965.377	6.735.835.377
	<u>28.916.396.979</u>	<u>9.035.228.803</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**
11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.027.967.500	1.393.506.970
Thuế GTGT	3.170.622.973	2.710.144.425
Thuế tiêu thụ đặc biệt	39.168.912.248	43.410.294.838
Các loại thuế khác	66.833.604	332.600.020
	<u>43.434.336.325</u>	<u>47.846.546.253</u>

Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Thông báo 64/KT IV - TH ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2013 tại Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, Công ty phải nộp bổ sung 10.830.495.067 Đồng Việt Nam tiền thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") vào ngân sách Nhà nước.

Theo quan điểm của Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế theo văn bản số 1460/TCT-CS ngày 04/05/2010 của Tổng Cục thuế và căn cứ vào hợp đồng mua bán sản phẩm bia Sài Gòn giữa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn (100% vốn của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn) với các đơn vị sản xuất theo đó Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn đã ấn định thuế TTĐB trên giá mua cho các đơn vị sản xuất theo quyết định của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn. Do vậy trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền ấn định mức thuế hoặc thay đổi phương pháp tính thuế theo kết luận kiểm toán thì mức thuế nộp bổ sung sẽ do Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn chịu.

Về thông báo kết luận của kiểm toán nhà nước Ban Giám đốc Công ty đang trao đổi với Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ, để tìm giải pháp xử lý vấn đề này theo hướng Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn sẽ hoàn trả khoản thuế TTĐB này. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ. Do vậy, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này vào các báo cáo tài chính.

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Trích trước chi phí bản quyền Henninger	1.176.874.667	1.300.721.778
Trích trước các khoản chi phí tài chính	1.315.778.538	1.204.208.709
Trích trước tiền lương nhân viên	178.127.220	499.578.071
Trích trước chi phí phải trả khác	139.938.412	1.508.602.090
	<u>2.810.718.837</u>	<u>4.513.110.648</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Kinh phí công đoàn	-	80.722.994
Bảo hiểm xã hội	107.762.143	148.744.871
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	5.557.791.056	3.715.718.640
Cổ tức phải trả	583.554.690	751.396.190
Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp (*)	12.471.038.862	12.471.038.862
Các khoản phải trả phải nộp khác	-	74.014.526
	<u>18.720.146.751</u>	<u>17.241.636.083</u>

(*) Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp là số tiền thu từ bán cổ phiếu của Công ty phải trả lại cho Nhà nước ở thời điểm cổ phần hóa, ngày 1 tháng 4 năm 2007.

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2014		2013	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	3.000.000	-	3.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	3.000.000	-	3.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2014		2013	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty bia, rượu và nước giải khát Sài Gòn	15.370.500.000	51%	15.370.500.000	51%
Công ty cổ phần rượu Bình Tây	1.500.000.000	5%	1.500.000.000	5%
Vốn góp của các đối tượng khác	13.129.500.000	44%	13.129.500.000	44%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**
15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	30.000.000.000	10.721.989.700	3.000.000.000	25.492.363.012	69.214.352.712
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.751.214.010	20.751.214.010
Chia cổ tức	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.075.121.401)	(2.075.121.401)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.075.121.401	-	(2.075.121.401)	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(2.667.999.895)	(2.667.999.895)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	30.000.000.000	12.797.111.101	3.000.000.000	34.925.334.325	80.722.445.426
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.585.728.626	13.585.728.626
Chia cổ tức	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.391.311.658)	(1.391.311.658)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.031.311.658	-	(1.031.311.658)	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(1.206.999.999)	(1.206.999.999)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	30.000.000.000	13.828.422.759	3.000.000.000	40.381.439.636	87.209.862.395

(*) Giảm khác liên quan đến việc doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận sau thuế trong năm để chia thưởng cho cán bộ công nhân viên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2014	2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	13.585.728.626	20.751.214.010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông có CPPT	13.585.728.626	20.751.214.010
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>4.529</u>	<u>6.917</u>

17 DOANH THU

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	328.651.178.317	377.253.514.013
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	292.380.000	1.214.053.714
Hàng bán bị trả lại	16.666.355	81.997.032
Thuế tiêu thụ đặc biệt	115.366.961.387	131.741.849.295
	<u>115.676.007.742</u>	<u>133.037.900.041</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>212.975.170.575</u>	<u>244.215.613.972</u>

18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Sản phẩm Rượu	11.177.015.187	13.085.068.722
Sản phẩm Bia	158.269.089.010	184.476.373.962
Sản phẩm Cồn	7.598.520.673	5.509.612.544
Khác	69.444.177	1.778.387.240
	<u>177.114.069.047</u>	<u>204.849.442.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.218.021.687	2.387.887.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.706.100.000	2.985.675.000
	<u>2.924.121.687</u>	<u>5.373.562.335</u>

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí lãi vay	386.543.306	299.773.825
Chi phí tài chính khác	90.163.410	-
	<u>476.706.716</u>	<u>299.773.825</u>

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.068.229.020	2.012.131.283
Chi phí nguyên vật liệu	1.547.458.029	832.466.177
Chi phí khấu hao TSCĐ	286.379.040	191.896.703
Chi phí bảo quản sản phẩm	13.625.869	27.817.195
Chi phí quảng cáo, hoa hồng, môi giới	5.497.783.502	4.115.164.423
Chi phí vận chuyển, bốc vác	858.981.886	965.693.426
Chi phí khác	813.781.464	342.218.688
	<u>11.086.238.810</u>	<u>8.487.387.895</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí khấu hao TSCĐ	381.606.480	520.273.000
Dự phòng nợ khó đòi	467.034.851	75.519.600
Chi phí nhân viên	5.309.361.151	3.848.158.592
Thuế và lệ phí	601.752.418	861.804.443
Chi phí vật liệu văn phòng	384.445.152	834.251.874
Dịch vụ mua ngoài	324.143.014	563.332.557
Chi phí khác	2.996.080.705	2.858.046.021
	<u>10.464.423.771</u>	<u>9.561.386.087</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

23 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	492.727.273
Thu nhập từ thanh lý phế phẩm	115.454.545	107.506.500
Các thu nhập khác	800.037.360	1.032.045.279
	<u>915.491.905</u>	<u>1.632.279.052</u>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	18.248.991
Các chi phí khác	632.029.636	751.980.108
	<u>632.029.636</u>	<u>770.229.099</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>283.462.269</u>	<u>862.049.953</u>

24 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được thể hiện như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.041.316.187	27.253.235.985
Thuế tính ở thuế suất 22% (2013: 25%)	3.749.089.561	6.813.308.996
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(375.342.000)	(746.418.750)
Chi phí không được khấu trừ	81.840.000	435.131.729
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.455.587.561</u>	<u>6.502.021.975</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.038.895.985	194.768.014.525
Chi phí nhân công	18.289.648.930	18.468.306.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.900.223.731	6.874.504.428
Các chi phí khác bằng tiền	13.650.133.617	14.948.679.503
	<u>196.878.902.263</u>	<u>235.059.504.725</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

26 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty không chịu rủi ro phát sinh từ việc thay đổi giá trị đồng ngoại tệ do Công ty không có số dư phải thu, phải trả bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

(ii) Rủi ro về giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro về lãi suất do Công ty không có khoản vay hay cho vay nào có lãi suất thả nổi tại thời điểm cuối năm.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác với số tiền là 50.447.262.567 đồng Việt Nam (2013: 30.789.975.534 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**
27 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
i) Bán hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.237.313.000	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn	235.585.214.020	300.325.442.650
Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	3.273.535.557	3.195.551.397
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	21.600.000	-
Công ty CP Bia Sài Gòn – Bình Tây	43.200.000	-
Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Lý	-	4.900.000
	<u>241.160.862.577</u>	<u>303.525.894.047</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	108.043.839.435	141.196.049.398
Công ty CP Bia Sài Gòn – Hà Nội	-	2.695.000
Công ty CP Thương mại Sabeco Miền Bắc	-	133.402.500
Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Lý	313.313.000	410.929.750
Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	1.610.696.546	1.363.246.202
Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ	14.485.000	-
Công ty CP Rượu Bình Tây	338.870.000	193.040.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	27.811.363	52.835.909
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn	-	1.804.000.000
Trung tâm đào tạo nghiên cứu đồ uống và thực phẩm Sabeco	809.200.000	-
	<u>111.158.215.344</u>	<u>145.156.198.759</u>
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.425.692.000	1.215.823.080
iv) Các giao dịch khác		
Trả cổ tức cho các bên liên quan:		
- Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.305.575.000	2.305.575.000
- Công ty CP Rượu Bình Tây	450.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

27 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)		
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.250.015.480	6.015.480
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn	34.017.626.500	13.488.846.800
Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	603.093.794	-
Công ty CP Rượu Bình Tây	12.177.000	-
	<u>36.882.912.774</u>	<u>13.494.862.280</u>
ii) Phải trả người bán (Thuyết minh 10)		
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	18.852.603.877	6.713.774.877
Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Lý	15.361.500	22.060.500
	<u>18.867.965.377</u>	<u>6.735.835.377</u>
iii) Phải trả khác		
Công ty CP Rượu Bình Tây	-	225.000.000
	<u>-</u>	<u>225.000.000</u>

28 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Nâng cấp hệ thống kiểm soát bia tại nhà máy Sài Gòn - Mê Linh	4.390.146.690	-
Hợp đồng xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm ở Vĩnh Phúc	123.868.000	-
	<u>4.514.014.690</u>	<u>-</u>

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 9 tháng 4 năm 2015.



Hoàng Thị Bình
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc